



Tháng 07/2026
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn



Nội dung

<u>1</u>	Những điểm mới, điểm nổi bật tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025.	TNCN
<u>2</u>	Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính đã ban hành về việc hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025.	TNCN
<u>3</u>	Điểm mới Thông tư 87/2026/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025.	TNCN
<u>4</u>	Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính Phủ quy định mới về mức giảm trừ vào thu nhập chịu thuế TNCN.	TNCN
<u>5</u>	Công văn số 7563/NBI-QLDN3 ngày 8/6/2026 của Thuế tỉnh Ninh Bình về việc xác định chi phí được trừ đối với nhà xưởng cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê.	TNDN
<u>6</u>	Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 1/7/2026, sẽ hoàn toàn thay thế Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 70/2025/NĐ-CP về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.	HD

Nội dung

- | | | |
|-----------|--|------|
| <u>7</u> | Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế năm 2025 về hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử. | HD |
| <u>8</u> | Thông tư 91/2026/TT-BTC quy định một số điều của Luật Quản lý thuế 2025 và Nghị định 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế 2025 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. | HD |
| <u>9</u> | Thông Tư 91/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài Chính, cơ quan thuế áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử. | HD |
| <u>10</u> | Thông tư 94/2026/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế | KHAC |
| <u>11</u> | Thông tư 94/2026/TT-BTC ,Ngày 01/7/2026 Bộ Tài chính ban hành quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế đã đặt ra các trường hợp người nộp thuế thuộc diện giám sát trọng điểm | KHAC |

Nội dung

- | | | |
|------------------|--|-------------|
| <u>12</u> | Thông tư 87/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính đã ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. | KHAC |
| <u>13</u> | Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. | KHAC |
| <u>14</u> | Công văn số 9707/BTC- TĐTĐ ngày 09/07/2026 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo thông tư 44/2026TT –BTC. | KHAC |
| <u>15</u> | Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD trong tháng 7/2026. | KHAC |
| <u>16</u> | Nghị định 291/2026/NĐ-CP ngày 22/07/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn | KHAC |

Nội dung

- | | | |
|------------------|---|-------------|
| <u>17</u> | Quyết định số 1931/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/7/2026 về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. | KHAC |
| <u>18</u> | Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính Phủ quy định về thu nhập từ tiền lương, tiền công. | KHAC |
| <u>19</u> | Nghị định số 252/2026/NĐ-CP bổ sung và sửa đổi nhiều quy định quan trọng liên quan đến quản lý thuế, đăng ký thuế, khai bổ sung hồ sơ thuế và xử lý nghĩa vụ thuế khi hệ thống quản lý thuế gặp sự cố kỹ thuật. | KHAC |
| <u>20</u> | Thông tư 89/2026/TT-BTC thay thế loạt văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế. | KHAC |
| <u>21</u> | Thông tư 101/2026/TT-BTC ngày 15/7/2026, Bộ Tài chính ban hành quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng. | KHAC |

Nội dung

- 22** Công văn số 4937/CT-NVT ngày 17/7/2026, Cục Thuế - Bộ Tài chính ban hành gửi cục Thuế các tỉnh/Thành phố, hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
- 23** Nghị định 252/2026/ND-CP ngày 30/06/2026 của chính phủ ngày 30/06/2026 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

KHAC

KHAC

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

Những điểm mới, điểm nổi bật tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025:

Ngày 30/06/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025.

Dưới đây là tổng hợp những điểm mới, điểm nổi bật Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 như sau:

1. Về thu nhập chịu thuế

Theo Điều 6 Nghị định 253/2026/NĐ-CP nêu cụ thể các loại thu nhập chịu thuế TNCN, cụ thể: thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ tiền bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng và thu nhập khác.

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

Đồng thời, phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú và không cư trú được quy định như sau:

- Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập;
- Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Theo đó, Nghị định 253/2026/NĐ-CP quy định cụ thể thu nhập phát sinh không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập; đồng thời quy định rõ đối với các nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế thì thực hiện theo quy định của Hiệp định.

2. Nâng mức chi tiền ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động

Theo điểm g khoản 2 Điều 8 Nghị định 253/2026/NĐ-CP quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

3. Không tính vào thu nhập chịu thuế các khoản trợ cấp thôi việc

Theo điểm i khoản 3 Điều 8 Nghị định 253/2026/NĐ-CP đề xuất như sau:

Trường hợp doanh nghiệp có quy định cụ thể tại quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động về mức trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm cao hơn mức quy định của pháp luật về lao động thì phần chi trả thực tế vượt mức này cũng không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Hiện hành, nếu khoản tiền trợ cấp thôi việc người lao động nhận được cao hơn mức quy định của Bộ luật Lao động 2019 thì phần vượt quá sẽ phải chịu thuế TNCN.

4. Điều kiện miễn thuế TNCN đối với tiền lương làm thêm giờ

Theo Điều 26 Nghị định 253/2026/NĐ-CP tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động sẽ được miễn thuế TNCN.

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

Lưu ý: tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác.

5. Bổ sung đối tượng được giảm trừ gia cảnh

Theo quy định mới tại Nghị định 253/2026/NĐ-CP, bổ sung đối tượng được giảm trừ gia cảnh đối với trường hợp con (bao gồm con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật, con riêng của vợ, con riêng của chồng) từ 18 tuổi trở lên trong các trường hợp sau:

- Người mất năng lực hành vi dân sự;
- Người khuyết tật;
- Người không có khả năng lao động.

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

6. Khấu trừ thuế TNCN 10% với thu nhập vãng lai từ 5 triệu đồng/lần trở lên

Tại Điều 50 Nghị định 253/2026/NĐ-CP có quy định về khấu trừ thuế, cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp được trả tiền lương, thu nhập khác khi đã chấm dứt hợp đồng lao động) có thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên (thu nhập vãng lai) thì sẽ bị khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi được trả thu nhập.

7. Cá nhân được khấu trừ tối đa 47 triệu đồng chi phí y tế, giáo dục

Cụ thể, tại khoản 2 Điều 49 Nghị định 253/2026/NĐ-CP quy định người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế, bao gồm:

- Các khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước thuộc phạm vi danh mục do bảo hiểm y tế chi trả tổng không quá 23 triệu đồng/năm;

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

- Các khoản chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước tổng không quá 24 triệu đồng/năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục - đào tạo.

*Lưu ý:

Để được giảm trừ, các khoản chi phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; riêng đối với khoản chi cho y tế phải có thêm Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Hóa đơn, chứng từ để được giảm trừ phải thể hiện thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế;
- Không được chi trả từ các nguồn khác, kể cả từ nguồn tài trợ, hỗ trợ, trả thay của tổ chức, cá nhân, nguồn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chi trả dưới các hình thức.

1 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

*Hiệu lực thi hành của Nghị định 253/2026/NĐ-CP

- Nghị định 253/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 (trừ các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026).

2 Trợ cấp tiền ăn của người lao động được miễn thuế TNCN

Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính đã ban hành về việc hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, tiền ăn ca của người lao động miễn thuế TNCN cho mức chi dưới 1,2 triệu/tháng.

Đồng thời tại điểm b khoản 1 Điều 69 Nghị định 253/2026/NĐ-CP quy định về tiền ăn giữa ca, tiền ăn trưa quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 của Nghị định này áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Như vậy, căn cứ các quy định trên thời điểm chính thức áp dụng mức tiền ăn ca 1,2 triệu/tháng miễn thuế TNCN là 01/07/2026

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

Điểm mới Thông tư 87/2026/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025:

Dưới đây là tổng hợp điểm mới Thông tư 87/2026/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 như sau:

(1) Nâng mức thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc mà người nộp thuế được áp dụng giảm trừ.

Theo Điều 3 Thông tư 87/2026/TT-BTC quy định về mức thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc mà người nộp thuế được áp dụng giảm trừ như sau:

- Mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập của người phụ thuộc quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 và điểm c khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều 47 Nghị định 253/2026/NĐ-CP không vượt quá 03 triệu đồng.

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

- Người nộp thuế chịu trách nhiệm về việc xác định người phụ thuộc không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều này và có trách kê khai đúng, trung thực thu nhập của người phụ thuộc quy định tại Điều này. Trường hợp trong quá trình thực hiện cơ quan thuế phát hiện kê khai không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

(2) Quy định mới về hồ sơ xác định người phụ thuộc của người nộp thuế

1. Hồ sơ xác định người phụ thuộc là con của người nộp thuế được quy định như sau:
 - a. Đối với con đẻ: bản chụp Giấy khai sinh của con hoặc bản chụp Quyết định việc nhận cha, mẹ, con hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận mối quan hệ cha, mẹ với con và bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước;
 - b. Đối với con nuôi: bản chụp Giấy khai sinh của con; bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước và bản chụp Quyết định công nhận/Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

- c. Đối với con riêng của vợ hoặc con riêng của chồng: bản chụp Giấy khai sinh của con; bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước và bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn của người nộp thuế hoặc các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp để chứng minh mối quan hệ với con riêng của vợ hoặc con riêng của chồng;
- d. Đối với con từ đủ 18 tuổi trở lên là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật thì ngoài các hồ sơ chứng minh mối quan hệ là con tương ứng với các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, hồ sơ xác định người phụ thuộc cần có thêm bản chụp Giấy xác nhận mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;
- e. Đối với con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề, kể cả con từ đủ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông (tính cả trong thời gian chờ kết quả thi từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12) thì ngoài các hồ sơ chứng minh mối quan hệ là con tương ứng với các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, hồ sơ xác định người phụ thuộc cần có thêm bản chụp thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường hoặc giấy tờ khác chứng minh đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề.

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

2. Hồ sơ xác định người phụ thuộc là vợ hoặc chồng của người nộp thuế được quy định như sau: bản chụp thẻ Căn cước và bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác chứng minh được mối quan hệ vợ chồng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Hồ sơ xác định người phụ thuộc là cha, mẹ của người nộp thuế được quy định như sau:

- a) Đối với cha đẻ, mẹ đẻ: bản chụp thẻ Căn cước của cha, mẹ và bản chụp Giấy khai sinh của người nộp thuế hoặc bản chụp Quyết định việc nhận cha, mẹ, con hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mối quan hệ cha, mẹ với con;
- b) Đối với cha nuôi, mẹ nuôi: bản chụp thẻ Căn cước của cha, mẹ; bản chụp Quyết định công nhận/Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Đối với cha vợ, mẹ vợ hoặc cha chồng, mẹ chồng: bản chụp thẻ Căn cước của cha, mẹ; bản chụp Giấy khai sinh của vợ hoặc chồng của người nộp thuế và bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn của người nộp thuế hoặc giấy tờ khác chứng minh được mối quan hệ vợ chồng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

d) Đối với cha dượng, mẹ kế: bản chụp thẻ Căn cước; bản chụp Giấy khai sinh của người nộp thuế; bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác chứng minh được mối quan hệ vợ chồng giữa cha dượng và mẹ đẻ của người nộp thuế hoặc giữa mẹ kế và cha đẻ của người nộp thuế do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Hồ sơ xác định người phụ thuộc là cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng: bản chụp thẻ Căn cước; bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng theo mẫu quy định của pháp luật về quản lý thuế; giấy tờ chứng minh mối quan hệ giữa người nộp thuế và người phụ thuộc và giấy tờ chứng minh người nộp thuế phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng người phụ thuộc theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Hồ sơ xác định người phụ thuộc là người không có khả năng lao động thì ngoài các hồ sơ chứng minh mối quan hệ tương ứng với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, hồ sơ xác định người phụ thuộc cần có thêm giấy tờ chứng minh là người có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên xác định theo quy định của pháp luật.

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

6. Người nộp thuế thực hiện việc đăng ký, thay đổi người phụ thuộc theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc đăng ký, thay đổi người phụ thuộc, việc kê khai thu nhập của người phụ thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này. Trường hợp phát hiện kê khai không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp cá nhân cư trú là người nước ngoài không có hồ sơ theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể nêu trên thì phải có các tài liệu pháp lý được cơ quan có thẩm quyền cấp, đảm bảo đáp ứng điều kiện là người phụ thuộc và thể hiện mối quan hệ giữa người nộp thuế và người phụ thuộc.

8. Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm lưu giữ, cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

(3) Chuyển nhượng chứng khoán phái sinh sẽ chịu mức thuế suất 0,1%

Theo Điều 5 Thông tư 87/2026/TT-BTC quy định cách tính thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh như sau:

- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán phái sinh được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1% theo từng lần chuyển nhượng.
- Giá chuyển nhượng được xác định như sau:
 - Đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai, giá chuyển nhượng là giá chuyển nhượng hợp đồng tương lai từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng hợp đồng tương lai từng lần được xác định bằng giá thanh toán của hợp đồng tương lai tại thời điểm xác định thu nhập tính thuế nhân (x) với hệ số nhân hợp đồng nhân (x) với số lượng hợp đồng nhân (x) với tỷ lệ ký quỹ ban đầu chia (:) cho 2.
 - Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố theo quy định.

3 Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

- Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai là thời điểm khớp lệnh mua, bán hợp đồng tương lai của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm hợp đồng tương lai đáo hạn.

(4) Thay thế Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

Thông tư 87/2026/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Các nội dung liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

Ngoài ra, Thông tư 87/2026/TT-BTC sẽ thay thế Thông tư 111/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007 và Nghị định 65/2013/NĐ-CP.

4 Mức giảm trừ vào thu nhập chịu thuế TNCN

Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính Phủ quy định mới về mức giảm trừ vào thu nhập chịu thuế TNCN như sau:

1. Giảm trừ khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học

Cá nhân cư trú được trừ các khoản đóng góp từ thiện ra khỏi thu nhập tính thuế nếu đóng góp cho các quỹ/tổ chức đáp ứng điều kiện:

Đối tượng nhận đóng góp:

- Cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi tựa cậy.
- Các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.
- Các tổ chức có chức năng huy động tài trợ hoạt động hợp pháp.
- Điều kiện: Các tổ chức/quỹ này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động phi lợi nhuận.
- Chứng từ cần thiết: Bản chụp chứng từ thu hợp pháp của tổ chức/quỹ hoặc chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng/tổ chức tín dụng.

4 Mức giảm trừ vào thu nhập chịu thuế TNCN

2. Giảm trừ chi phí Y tế và Giáo dục

Điểm mới quan trọng là được giảm trừ chi phí thực tế chi cho bản thân và người phụ thuộc:

- Khoản chi Y tế:
 - o Chi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong nước thuộc phạm vi danh mục do bảo hiểm y tế chi trả.
 - o Mức giảm trừ tối đa: Không quá 23 triệu đồng/năm.
- Khoản chi Giáo dục - Đào tạo:
 - o Chi học phí tại các cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước (mầm non, phổ thông, nghề nghiệp, đại học) và các khóa học kỹ năng chuyên môn khác.
 - o Mức giảm trừ tối đa: Không quá 24 triệu đồng/năm.
 - o Điều kiện: Phải có hóa đơn/chứng từ ghi thông tin người nộp thuế (hoặc người phụ thuộc) và không được chi trả từ nguồn tài trợ hay bảo hiểm khác

5 Xác định chi phí được trừ đối với nhà xưởng cho thuê

Công văn số 7563/NBI-QLDN3 ngày 8/6/2026 của Thuế tỉnh Ninh Bình về việc xác định chi phí được trừ đối với nhà xưởng cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê:

Trường hợp Công ty thực hiện dự án đầu tư trước năm 2025, tại mục tiêu dự án điều chỉnh có hoạt động: "Cho thuê nhà xưởng đã xây dựng dư thừa" và Công ty lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí tại Nghị định 320/2025/NĐ-CP kể từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 thì:

- Trường hợp Công ty có nhà xưởng dư thừa cho thuê nhưng chưa có khách thuê và tài sản này thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi phí liên quan đến tài sản này trong thời gian chưa có khách thuê (kể từ thời điểm Công ty được phép hoạt động cho thuê nhà xưởng và nhà xưởng này được xác định dư thừa đồng thời được chuyển sang mục tiêu cho thuê) nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

6 Quy định về việc xuất hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 1/7/2026, sẽ hoàn toàn thay thế Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 70/2025/NĐ-CP về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

Từ ngày 1/7/2026, tất cả các khoản tiền đặt cọc theo quy định của Bộ luật Dân sự nhằm bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ đều không phải xuất hóa đơn khi nhận tiền.

1. Chính thức quy định xuất hóa đơn tiền đặt cọc 2026 theo Nghị định 254/2026/NĐ-CP

Theo đó, quy định xuất hóa đơn tiền đặt cọc 2026 là một trong những điểm mới nổi bật của Nghị định 254/2026/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

6 Quy định về việc xuất hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

Trước ngày 01/7/2026	Từ ngày 1/7/2026
Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn ... 2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng). ... (Theo khoản 2 Điều 9 <u>Nghị định 123/2020/NĐ-CP</u> được sửa đổi bởi điểm a khoản 6 Điều 1 <u>Nghị định 70/2025/NĐ-CP</u>)	Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn ... 2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ). (Theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 254/2026/NĐ-CP)

6 Quy định về việc xuất hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

Như vậy, theo quy định trước đây, khi nhận tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ, người bán phải xuất hóa đơn ngay khi nhận tiền. Riêng tiền đặt cọc hoặc tạm ứng đối với một số dịch vụ như kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng thì không phải xuất hóa đơn.

Tuy nhiên từ ngày 1/7/2026, quy định về xuất hóa đơn tiền đặt cọc 2026 có sự thay đổi đáng chú ý. Thay vì chỉ áp dụng cho một số dịch vụ như trước đây thì mọi khoản tiền đặt cọc theo quy định của Bộ luật Dân sự để bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ đều không phải xuất hóa đơn khi nhận tiền.

Hay nói cách khác, từ ngày 1/7/2026, tất cả các khoản tiền đặt cọc theo quy định của Bộ luật Dân sự nhằm bảo đảm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ đều không phải xuất hóa đơn khi nhận tiền, không còn giới hạn theo từng loại dịch vụ.

Ví dụ: Trước đây, tiền đặt cọc giữ phòng khách sạn, villa hay tour du lịch thường phải xuất hóa đơn ngay khi nhận. Từ 01/7/2026, nếu đó là tiền đặt cọc đúng nghĩa theo Bộ luật Dân sự, cơ sở kinh doanh không phải xuất hóa đơn khi nhận cọc, không chỉ giới hạn ở một số ngành nghề như trước.

6 Quy định về việc xuất hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

2. Quy định đặt cọc theo Bộ luật Dân sự mới nhất

Theo Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015, đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

6 Quy định về việc xuất hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

3. Thời điểm lập hóa đơn khi bán hàng hóa

- Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

(Theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 254/2026/NĐ-CP)

7 Các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử

Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế năm 2025 về hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử:

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/07/2026

Theo Điều 7 Nghị định 254/2026/NĐ-CP, các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc một số trường hợp đặc thù

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải sử dụng hóa đơn điện tử trong các trường hợp sau:

- Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc trường hợp được lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.
- Có thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản.
- Có thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số, bao gồm dịch vụ giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số và quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

7 Các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử

- Hoạt động với tư cách đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm hoặc đại lý bán hàng đa cấp, trong trường hợp doanh nghiệp xổ số, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã thực hiện khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Khoản phí, khoản thu khác không phải sử dụng hóa đơn điện tử

Không phải sử dụng hóa đơn điện tử đối với các khoản phí, khoản thu khác phát sinh từ các hoạt động sau:

- Hoạt động tái bảo hiểm.
- Nhận tiền gửi.
- Hoạt động tài chính.
- Bán nợ.
- Giao dịch ngoại tệ.
- Giao dịch sản phẩm phái sinh.

7 Các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử

3. Góp vốn bằng tài sản

Không phải sử dụng hóa đơn điện tử đối với trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh góp vốn bằng tài sản vào tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

4. Điều chuyển tài sản

Không phải sử dụng hóa đơn điện tử đối với trường hợp điều chuyển tài sản không làm thay đổi quyền sở hữu, bao gồm:

- Điều chuyển tài sản từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và ngược lại.
- Điều chuyển tài sản giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cùng một cơ sở kinh doanh.
- Điều chuyển tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7 Các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử

5. Máy móc, thiết bị cho mượn phục vụ gia công

Không phải sử dụng hóa đơn điện tử đối với trường hợp máy móc, thiết bị là tài sản cố định hoặc công cụ, dụng cụ được bên cho mượn giao để phục vụ gia công hàng hóa, không thu tiền và không chuyển quyền sở hữu.

6. Một số trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, không phải sử dụng hóa đơn điện tử đối với các trường hợp sau:

- Hàng hóa, dịch vụ được sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh, bao gồm hàng hóa xuất để chuyển kho nội bộ; xuất vật tư, bán thành phẩm nhằm tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh trong cùng một cơ sở kinh doanh.
- Hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung cấp để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính cơ sở kinh doanh.
- Các khoản thu không liên quan đến hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh, bao gồm khoản bồi thường bằng tiền, tiền thưởng, khoản thu đòi người thứ ba trong hoạt động bảo hiểm và các khoản thu hộ.

8 Hướng dẫn xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Thông tư 91/2026

Thông tư 91/2026/TT-BTC quy định một số điều của Luật Quản lý thuế 2025 và Nghị định 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế 2025 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

Theo đó, tại Điều 10 Thông tư 91/2026/TT-BTC quy định:

STT	Trường hợp hóa đơn sai	Cách xử lý
1	Sai tên, địa chỉ người mua hoặc các nội dung khác không làm sai mã số thuế, số tiền, thuế suất, tiền thuế, hàng hóa	Không lập lại hóa đơn. Thông báo cho người mua và gửi thông báo hóa đơn sai cho cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT.

8 Hướng dẫn xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Thông tư 91/2026

STT	Trường hợp hóa đơn sai	Cách xử lý
2	Sai mã số thuế, tên hàng hóa, quy cách, chất lượng, đơn giá, số lượng, thành tiền, thuế suất, tiền thuế hoặc nội dung bắt buộc khác	Người bán được lựa chọn: (1) Lập hóa đơn điều chỉnh hoặc (2) Lập hóa đơn thay thế Không bắt buộc chỉ sử dụng một hình thức. * Khi lập hóa đơn điều chỉnh: Phải có dòng chữ: "Điều chỉnh cho hóa đơn Mẫu số..., ký hiệu..., số..., ngày... tháng... năm..." * Lập hóa đơn thay thế Phải có dòng chữ: "Thay thế cho hóa đơn Mẫu số..., ký hiệu..., số..., ngày... tháng... năm..."

8 Hướng dẫn xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Thông tư 91/2026

STT	Trường hợp hóa đơn sai	Cách xử lý
3	Nhiều hóa đơn trong cùng tháng cùng sai một nội dung với cùng một người mua	Được lập 01 hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn Đính kèm Bảng kê hóa đơn sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT.
4	Trước khi điều chỉnh/thay thế (người mua là tổ chức, doanh nghiệp, hộ/cá nhân kinh doanh, cá nhân)	* Nếu người mua là là tổ chức, doanh nghiệp, hộ/cá nhân kinh doanh: Hai bên thống nhất về việc điều chỉnh hoặc thay thế, lập văn bản thỏa thuận trước khi điều chỉnh/thay thế. * Nếu người mua là cá nhân: Thông báo trực tiếp cho người mua hoặc website của người bán (nếu có)

8 Hướng dẫn xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Thông tư 91/2026

STT	Trường hợp hóa đơn sai	Cách xử lý
5	Sai hóa đơn điện tử từ máy tính tiền hoặc hóa đơn điện tử bán hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản	Lập hóa đơn thay thế cho hóa đơn đã lập sai, trừ trường hợp quy định tại điểm c.2 khoản 5 Điều này.
6	Hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã gửi Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử	Người bán gửi thông tin điều chỉnh, thay thế trực tiếp trên Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử của các kỳ tiếp theo mà không gửi thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục III đến cơ quan thuế.

8 Hướng dẫn xử lý hóa đơn điện tử có sai sót theo Thông tư 91/2026

STT	Trường hợp hóa đơn sai	Cách xử lý
7	Dữ liệu hóa đơn điện tử tại Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thiếu hoặc sai	Người bán gửi Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung, phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn đối với trường hợp điều chỉnh dữ liệu hóa đơn trên Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử, số hóa đơn vào cột 18 “thông tin hóa đơn liên quan” tại Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục III. (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn theo quy định tại điểm 9 Phụ lục kèm theo Nghị định số 254/2026/NĐ-CP và hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế thuộc trường hợp lập bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 01/BK-ĐCTT tại Phụ lục III).

9 Các trường hợp cụ thể ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

Thông Tư 91/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài Chính, cơ quan thuế áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử Theo đó, tại Điều 10 Thông tư 91/2026/TT-BTC quy định:

Cơ quan thuế sẽ áp dụng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (áp dụng cho cả hóa đơn có mã, không có mã và khởi tạo từ máy tính tiền) trong các trường hợp cụ thể dưới đây:

- Chấm dứt hiệu lực mã số thuế: Doanh nghiệp giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động.
- Không hoạt động tại địa chỉ đăng ký: Cơ quan thuế xác minh doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan quản lý.
- Tạm ngừng kinh doanh: Doanh nghiệp chủ động thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh với cơ quan có thẩm quyền.
- Cưỡng chế nợ thuế: Doanh nghiệp bị áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn do nợ thuế quá hạn

9 Các trường hợp cụ thể ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

- Hành vi vi phạm nghiêm trọng: Sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng lậu, hàng cấm, hàng giả hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Trục lợi, gian lận: Lập hóa đơn khống để chiếm đoạt tiền hoặc bị các cơ quan điều tra/viện kiểm sát/tòa án đề nghị ngừng sử dụng.
- Vi phạm điều kiện kinh doanh: Bị cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu tạm ngừng ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do vi phạm pháp luật.
- Không còn đủ điều kiện kỹ thuật: Doanh nghiệp đang dùng hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền nhưng thay đổi ngành nghề, không còn đáp ứng điều kiện quy định.
- Không giải trình/bổ sung thông tin: Thuộc diện rủi ro cao về thuế nhưng không giải trình hoặc giải trình không thỏa đáng các nghi vấn của cơ quan thuế trong thời hạn quy định.

10 Quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế

Thông tư 94/2026/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế:

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

Một trong những nội dung đáng chú ý là việc phân loại người nộp thuế theo 04 mức độ tuân thủ pháp luật thuế.

- Theo Điều 10 Thông tư 94/2026/TT-BTC, người nộp thuế được đánh giá, phân loại theo một trong 04 mức độ tuân thủ pháp luật thuế gồm:

Mức 1: Tuân thủ tốt;

Mức 2: Tuân thủ trung bình;

Mức 3: Tuân thủ thấp

Mức 4: Không tuân thủ

10 Quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế

- Việc phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí đánh giá theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 94/2026/TT-BTC. Nội dung này nhằm giúp cơ quan thuế có cơ sở theo dõi, đánh giá hành vi tuân thủ của người nộp thuế trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế.
- Đối với người nộp thuế thuộc mức không tuân thủ, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp quản lý theo quy định về quản lý tuân thủ trong quản lý thuế. Đối với các mức tuân thủ tốt, tuân thủ trung bình, tuân thủ thấp và không tuân thủ, cơ quan thuế thực hiện phân tích bản chất hành vi tuân thủ pháp luật thuế để xác định và áp dụng biện pháp nâng cao tuân thủ phù hợp.

Như vậy, từ 01/7/2026, người nộp thuế cần chú ý hơn đến việc kê khai, nộp thuế, sử dụng hóa đơn, chấp hành quyết định của cơ quan thuế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước để duy trì mức độ tuân thủ tốt, hạn chế bị đưa vào nhóm rủi ro hoặc nhóm không tuân thủ trong quản lý thuế.

11

Quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro các trường hợp người nộp thuế thuộc diện giám sát trọng điểm

Thông tư 94/2026/TT-BTC ,Ngày 01/7/2026 Bộ Tài chính ban hành quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế đã đặt ra các trường hợp người nộp thuế thuộc diện giám sát trọng điểm:

Theo điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư 94/2026/TT-BTC, người nộp thuế có thể thuộc diện giám sát trọng điểm người nộp thuế thuộc mức không tuân thủ pháp luật thuế theo 04 mức độ được quy định tại Điều 10 Thông tư 94/2026/TT-BTC.

Bên cạnh đó, người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin hoặc có giải trình, bổ sung thông tin nhưng không đầy đủ theo yêu cầu, thời hạn tại thông báo bằng văn bản của cơ quan thuế có thể bị giám sát trọng điểm.

Như vậy, việc không phản hồi hoặc phản hồi không đầy đủ yêu cầu giải trình của cơ quan thuế có thể là một trong những căn cứ để người nộp thuế bị đưa vào diện giám sát trọng điểm. Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp của người nộp thuế khi cơ quan thuế phát hiện dấu hiệu rủi ro trong quá trình quản lý.

11 Quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro các trường hợp người nộp thuế thuộc diện giám sát trọng điểm

Theo khoản 12 Điều 3 Thông tư 94/2026/TT-BTC, giám sát trọng điểm là việc cơ quan thuế áp dụng biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế để theo dõi, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế trong một khoảng thời gian nhất định.

Ngoài trường hợp không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, Điều 9 Thông tư 94/2026/TT-BTC còn quy định các trường hợp khác thuộc diện giám sát trọng điểm, như:

Người nộp thuế có giao dịch qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến trốn thuế, gian lận thuế;

Người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế bị khởi tố về hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ;

Người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao về thuế thuộc chuyên đề trọng điểm hoặc qua thu thập thông tin từ công tác quản lý của cơ quan thuế cần giám sát để quản lý.

Thông tư 94/2026/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, thay thế Thông tư 31/2021/TT-BTC.

12 Quy định về mức thu nhập bình quân của người phụ thuộc

Thông tư 87/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính đã ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân:

Theo đó, mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập của người phụ thuộc không được vượt quá 03 triệu đồng (trước đây là không quá 01 triệu đồng).

Đây là mức thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với trường hợp đăng ký giảm trừ cho vợ hoặc chồng, cha mẹ, con trên 18 tuổi, người thân khác không nơi nương tựa hoặc người không có khả năng lao động.

Khoản 2 Điều 3 Thông tư 87 cũng nhấn mạnh:

“Người nộp thuế chịu trách nhiệm về việc xác định người phụ thuộc không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 03 triệu đồng và có trách nhiệm kê khai đúng, trung thực thu nhập của người phụ thuộc. Trường hợp trong quá trình thực hiện, cơ quan thuế phát hiện kê khai không đúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.”

13 Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu như sau:

Tại điều 4 quy định thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phát sinh số tiền thuế phải nộp sau khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa. Cụ thể:

1. Thời hạn nộp thuế khi khai bổ sung

Đối với hồ sơ khai bổ sung, thời hạn nộp thuế được xác định theo thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu, trừ các trường hợp đặc biệt được quy định tại khoản 2, 3, 4 của Điều này.

2. Hàng hóa phải phân tích, phân loại hoặc giám định

Người nộp thuế phải tạm nộp thuế theo mã số và thuế suất đã khai báo trước khi hàng hóa được giải phóng.

Nếu kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định làm tăng số thuế phải nộp, người nộp thuế phải khai bổ sung và nộp số thuế tăng thêm trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan yêu cầu khai bổ sung qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp kết quả làm giảm số thuế phải nộp, cơ quan hải quan sẽ thông báo để người nộp thuế thực hiện khai bổ sung và xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định.

13 Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

3. Trường hợp chưa có giá chính thức khi đăng ký tờ khai

Người nộp thuế phải tạm nộp thuế theo giá tạm tính trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa.

Khi có giá chính thức, nếu phát sinh số thuế tăng thêm, người nộp thuế phải khai bổ sung và nộp phần chênh lệch trong 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có giá chính thức.

Nếu giá chính thức làm giảm số thuế phải nộp, cơ quan hải quan sẽ xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định.

4. Trường hợp phát sinh phí bản quyền, phí giấy phép và các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan

Người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo giá khai báo trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa.

Khi xác định được các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan (như phí bản quyền, phí giấy phép hoặc các khoản thanh toán sau bán hàng), người nộp thuế phải khai bổ sung và nộp số thuế tăng thêm trong 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được các khoản này trên chứng từ thanh toán và hồ sơ liên quan.

13 Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu

5. Thời hạn nộp thuế khi cơ quan hải quan ấn định thuế

Thông thường, thời hạn nộp thuế ấn định được áp dụng theo thời hạn của tờ khai hải quan ban đầu.

Riêng một số trường hợp, thời hạn nộp thuế được tính ngay từ ngày ban hành quyết định ấn định thuế, bao gồm:

- Hàng hóa không khai báo hoặc tờ khai hải quan đã bị hủy.
- Hàng hóa miễn thuế, không chịu thuế nhưng sau đó phát sinh nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu hoặc các trường hợp liên quan đến nhiều tờ khai, thời hạn nộp thuế được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 4.

Nếu người nộp thuế không khai bổ sung hoặc không nộp đủ số thuế phát sinh đúng thời hạn đối với các trường hợp phân tích, phân loại, xác định giá chính thức hoặc phát sinh các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan, cơ quan hải quan sẽ ấn định thuế và xác định thời hạn nộp thuế theo thời điểm phát sinh nghĩa vụ tương ứng.

14 Hướng dẫn về kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư

Công văn số 9707/BTC- TĐTĐ ngày 09/07/2026 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo thông tư 44/2026TT -BTC như sau:

Theo tình hình chuyển đổi số, giảm bớt thủ tục hành chính, điểm a khoản 2 Điều 95 Nghị định số 19/2026/NĐ-CP, khoản 1 Điều 10 Thông tư số 44/2026/TT-BTC đã quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư phải thực hiện trên Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư và báo cáo trên Hệ thống sẽ thay thế cho báo cáo bằng văn bản giấy.

Do đó, đề nghị các công ty phối hợp với cơ quan đăng ký đầu tư, đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư của địa phương nơi thực hiện dự án đầu tư để triển khai việc định kỳ hằng quý, cả năm cập nhật số liệu và lập báo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư trên hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư (“Hệ thống”) tại địa chỉ: <https://giamsatdautuquocgia.mof.gov.vn>, còn số liệu về tình hình đầu tư 6 tháng có thể được cơ quan quản lý nhà nước chủ động tổng hợp trên Hệ thống

15 Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD trong tháng 7/2026 như sau:

(1) Kê khai thuế quý II/2026

- Đối tượng áp dụng: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu dự kiến trong năm 2026 trên 01 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.
- Hồ sơ khai thuế: Tờ khai Mẫu 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC.
- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế: Chậm nhất ngày 31/7/2026.

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa thực hiện kê khai thuế trong quý I/2026 do xác định doanh thu năm 2026 từ 01 tỷ đồng trở xuống, nhưng doanh thu thực tế lũy kế đến quý II/2026 vượt 01 tỷ đồng, chưa đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thì cần thực hiện:

- Kê khai thuế theo mẫu số 01/CNKD và nộp số thuế phát sinh theo quy quy định chậm nhất ngày 31/7/2026;
- Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế theo quy định hiện hành chậm nhất ngày 29/7/2026.

15 Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD

(2) kê khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản

- Đối tượng áp dụng: Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản và lựa chọn phương pháp khai thuế 02 lần trong năm tính thuế.
- Hồ sơ khai thuế: Tờ khai Mẫu số 01/BĐS ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC; Bảng kê chi tiết bất động sản theo Mẫu số 01/BK-BĐS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.
- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Chậm nhất ngày 31/7/2026.

(3) Thông báo số tài khoản ngân hàng/số hiệu ví điện tử

- Đối tượng áp dụng: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, chưa thực hiện thông báo thông tin số tài khoản ngân hàng/số hiệu ví điện tử phục vụ hoạt động kinh doanh với Cơ quan thuế.
- Hồ sơ thông báo: Mẫu tờ khai 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.
- Thời hạn thực hiện: Chậm nhất ngày 31/7/2026.

15 Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD

Lưu ý: Trường hợp đã thông báo lần đầu nhưng có sự thay đổi thông tin hoặc ngừng sử dụng số tài khoản ngân hàng/số hiệu ví điện tử thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm gửi lại Thông báo 01/BK-STK đến cơ quan thuế theo quy định

(4) Thông báo doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh đến hết ngày 30/6/2026

- Đối tượng áp dụng: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2026 có doanh thu thực tế từ 01 tỷ đồng trở xuống.
- Hồ sơ thông báo: Mẫu tờ khai 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC.
- Thời hạn thực hiện: Chậm nhất ngày 31/7/2026.

15 Thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HKD, CNKD

(5) Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh; thay đổi thông tin; tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh

- Đối tượng áp dụng: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh việc thành lập mới, thay đổi thông tin, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với các địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính.
- Hồ sơ thông báo: Mẫu số 01/TB-ĐĐKD ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

Thời hạn thực hiện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày địa điểm kinh doanh bắt đầu hoạt động hoặc kể từ ngày phát sinh việc thay đổi thông tin, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động kinh doanh của địa điểm kinh doanh.

16 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn

Nghị định 291/2026/NĐ-CP ngày 22/07/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 125/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn như sau:

- Sửa đổi quy định về cung cấp thông tin: Nghị định sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 5, quy định rằng hành vi vi phạm về cung cấp thông tin phục vụ mục đích trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên sẽ không bị xử phạt theo các điều 14, 15, 19 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP.
- Bổ sung quy định xử phạt hành vi cung cấp thông tin Mục 3 và Điều 19a cụ thể như sau
 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin chậm từ 5 ngày trở lên.
 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ.
 3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin sau 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoặc thông đồng, bao che người nộp thuế.

16 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác đối với các hành vi vi phạm đã nêu
- Bổ sung cụm từ "Điều 19a" vào các điều khoản liên quan trong Nghị định 125/2020/NĐ-CP để đồng bộ hóa các quy định mới được bổ sung.

17 Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế

Quyết định số 1931/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/7/2026 về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

1. Cách thức & Thời hạn nộp hồ sơ

- Mẫu đơn: Sử dụng Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (ban hành kèm Phụ lục II - Nghị định 245/2026/NĐ-CP).
- Hình thức gửi: Nộp trực tuyến (Cổng DVC Quốc gia/Cổng thông tin Thuế), gửi qua bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa.
- Thời điểm nộp: Nộp 1 lần cho toàn bộ các kỳ được gia hạn cùng thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng/quý.
- Hạn chót: Trường hợp không nộp cùng hồ sơ khai thuế, hạn nộp muộn nhất là ngày 02/11/2026.

17 Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế

2. Điểm mới về phản hồi từ cơ quan thuế

- Không trả kết quả: Cơ quan thuế không phải ra quyết định hay thông báo chấp thuận nếu người nộp thuế thuộc đúng đối tượng được gia hạn.

Xử lý vi phạm: Trong thời gian gia hạn, nếu phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện, cơ quan thuế sẽ ra thông báo hủy gia hạn. Khi đó, người nộp thuế phải nộp đủ tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp phát sinh.

18 Quy định về thu nhập từ tiền lương, tiền công

Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính Phủ quy định về thu nhập từ tiền lương, tiền công như sau:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định 253/2026/NĐ-CP, thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: Tiền thù lao nhận được từ cung cấp dịch vụ của cá nhân không đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế cho hoạt động kinh doanh, kể cả có hay không có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề.

Căn cứ quy định trên, các khoản thu nhập từ livestream bán hàng, affiliate, freelance... mà không đăng ký kinh doanh thì các khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Trong trường hợp này đơn vị chi trả sẽ tạm khấu trừ 10% trước khi thanh toán.

Cuối năm, cá nhân thực hiện quyết toán thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần với thuế suất từ 5% đến 35% quy định tại Điều 9 Luật Thuế thu nhập cá nhân.

19 Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thực hiện Luật Quản lý thuế

Nghị định số 252/2026/NĐ-CP bổ sung và sửa đổi nhiều quy định quan trọng liên quan đến quản lý thuế, đăng ký thuế, khai bổ sung hồ sơ thuế và xử lý nghĩa vụ thuế khi hệ thống quản lý thuế gặp sự cố kỹ thuật:

Dưới đây là những nội dung đáng chú ý:

1. Bổ sung các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế

Nghị định 252/2026/NĐ-CP bổ sung các trường hợp cá nhân bị tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế, bao gồm:

- Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.
- Cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

19 Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thực hiện Luật Quản lý thuế

- Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định và không thực hiện thủ tục khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế sau khi có thông báo của Cục Thuế.
- Cá nhân là người nước ngoài có khoản thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.
- Cá nhân là người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam còn nợ thuế quá thời hạn nộp theo quy định và chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế.

2. Quy định mới về thời hạn đăng ký thuế

Nghị định bổ sung và sửa đổi một số quy định liên quan đến thời hạn đăng ký thuế, cụ thể:

- Bổ sung quy định về thời hạn đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp tổ chức tín dụng thành lập chi nhánh hoặc văn phòng giao dịch.

19 Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thực hiện Luật Quản lý thuế

- Bổ sung quy định người nộp thuế không phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu thuế và thông tin cá nhân được đồng bộ tự động khi có thay đổi.
- Sửa đổi quy định về thời hạn đăng ký thuế lần đầu đối với trường hợp người nộp thuế thực hiện đăng ký thông qua hồ sơ khai thuế; theo đó, thời hạn đăng ký thuế được thực hiện cùng thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế đầu tiên.
- Sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn đăng ký thuế trực tiếp nhằm xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tế; đồng thời bổ sung quy định về thời hạn thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với trường hợp thông tin của người nộp thuế đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

19 Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thực hiện Luật Quản lý thuế

3. Quy định mới về khai bổ sung hồ sơ thuế và trách nhiệm của người nộp thuế

Đối với việc khai bổ sung hồ sơ thuế, Nghị định 252/2026/NĐ-CP có một số thay đổi đáng chú ý như sau:

- Rút ngắn thời hạn được khai bổ sung hồ sơ thuế từ 10 năm xuống còn 05 năm.
- Bổ sung quy định người nộp thuế không được khai bổ sung hồ sơ thuế đối với các vụ việc đã thuộc phạm vi điều tra hoặc khởi tố theo quy định của pháp luật.
- Quy định rõ trách nhiệm của người mua trong việc điều chỉnh hồ sơ thuế khi sử dụng hóa đơn của người bán đã được cơ quan có thẩm quyền xác định có hành vi vi phạm.

19 Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức thực hiện Luật Quản lý thuế

4. Nguyên tắc xử lý khi Hệ thống thông tin quản lý thuế gặp sự cố kỹ thuật

Nghị định cũng quy định cụ thể nguyên tắc xử lý khi Hệ thống thông tin quản lý thuế xảy ra sự cố kỹ thuật, bao gồm:

- Người nộp thuế được thực hiện nộp hồ sơ và hoàn thành nghĩa vụ thuế bằng phương thức điện tử sau khi hệ thống được khôi phục.
- Trường hợp cần thiết, người nộp thuế có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- Trong các trường hợp nêu trên, người nộp thuế không bị xác định là chậm nộp do nguyên nhân phát sinh từ sự cố kỹ thuật của hệ thống.

20 Loạt văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế hết hiệu lực

Thông tư 89/2026/TT-BTC thay thế loạt văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế:

Theo khoản 1 Điều 99 Thông tư 89/2026/TT-BTC, kể từ ngày 01/7/2026, có 10 Thông tư của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành, gồm:

- Thông tư số 179/2013/TT-BTC về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt không có khả năng thu hồi;
- Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thuế nhà thầu;
- Thông tư 92/2015/TT-BTC về thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh;
- Thông tư 96/2016/TT-BTC về miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;
- Thông tư 97/2016/TT-BTC về miễn thuế thu nhập cá nhân đối với người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam;
- Thông tư 84/2016/TT-BTC hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa;

20 Loạt văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế hết hiệu lực

- Thông tư 19/2021/TT-BTC về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;
- Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 94/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC;
- Thông tư 21/2026/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 80/2021/TT-BTC và Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Như vậy, thay vì phải tra cứu đồng thời nhiều Thông tư cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung như trước đây, từ ngày 01/7/2026, người nộp thuế chỉ cần áp dụng Thông tư 89/2026/TT-BTC đối với phần lớn các nội dung hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

21 Quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

Thông tư 101/2026/TT-BTC ngày 15/7/2026, Bộ Tài chính ban hành quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng như sau:

- Theo Điều 1 và Điều 2, Thông tư 101/2026/TT-BTC quy định toàn diện về việc tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, áp dụng đối với các cơ sở đủ điều kiện tổ chức đào tạo, cá nhân tham gia khóa học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Mục tiêu của việc bồi dưỡng là trang bị, cập nhật và hệ thống hóa kiến thức về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán; đồng thời chuẩn hóa năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tổ chức công tác kế toán cho đội ngũ kế toán trưởng.

- Theo Điều 4, người học phải có trình độ chuyên môn về kế toán theo quy định của pháp luật và có thời gian công tác thực tế trong lĩnh vực tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

21 Quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

Cụ thể, người có bằng đại học trở lên phải có tối thiểu 02 năm công tác thực tế; người có bằng trung cấp hoặc cao đẳng phải có tối thiểu 03 năm. Riêng những người đã có Chứng chỉ kiểm toán viên, Chứng chỉ kế toán viên hoặc một số chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế được Bộ Tài chính công nhận sẽ không phải đáp ứng điều kiện về thời gian công tác.

- Theo Điều 5, chỉ các cơ sở giáo dục có chức năng đào tạo kế toán, kiểm toán; đơn vị thuộc Bộ Tài chính có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và các hội nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán mới được tổ chức khóa học nếu đáp ứng đầy đủ yêu cầu về giảng viên, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất. Đáng chú ý, giảng viên phải có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến nội dung giảng dạy.
- Điều 6 quy định chương trình bồi dưỡng được xây dựng riêng cho đơn vị kế toán nhà nước và đơn vị kế toán doanh nghiệp, với thời lượng tối thiểu lần lượt là 152 giờ và 180 giờ. Ngoài các chuyên đề về pháp luật kế toán, quản lý tài chính, kế toán tài chính, kế toán quản trị, báo cáo tài chính và kiểm toán, chương trình mới còn bổ sung chuyên đề về ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong công tác kế toán, phản ánh xu hướng hiện đại hóa hoạt động kế toán trong khu vực công và doanh nghiệp.

21 Quy định về tổ chức bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

- Điều 11 và Điều 12 quy định học viên chỉ được cấp Chứng chỉ khi hoàn thành khóa học và đạt yêu cầu kiểm tra, đánh giá theo quy định. Chứng chỉ có thể được cấp bằng bản giấy hoặc bản điện tử nếu cơ sở bồi dưỡng đáp ứng điều kiện pháp luật về giao dịch điện tử.

Đặc biệt, Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng có giá trị sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp để bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán lần đầu. Trường hợp người đã được bổ nhiệm làm kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán thì Chứng chỉ vẫn tiếp tục được sử dụng cho các lần bổ nhiệm tiếp theo, miễn là thời gian gián đoạn không quá 05 năm.

Thông tư cũng quy định rõ các trường hợp bị thu hồi hoặc hủy bỏ Chứng chỉ nếu phát hiện cấp sai đối tượng, sử dụng hồ sơ không trung thực hoặc có vi phạm trong quá trình tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

Công văn số 4937/CT-NVT ngày 17/7/2026, Cục Thuế - Bộ Tài chính ban hành gửi cục Thuế các tỉnh/Thành phố, hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi là "Chi nhánh/VPĐD"):

Công văn được ban hành trên cơ sở Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Thông tư số 90/2026/TT-BTC, trong đó nêu một số điểm nổi bật như sau:

1. Về nghĩa vụ và nội dung kê khai

Chi nhánh/VPĐD phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin về chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty chủ quản tại nước ngoài theo Mẫu BK07-ĐKT (ban hành kèm theo Thông tư 90/2026/TT-BTC). Bảng kê này gồm hai nhóm thông tin:

- Nhóm 1: Chủ sở hữu pháp lý – là tổ chức, cá nhân đứng tên sở hữu phần vốn, cổ phần hoặc quyền sở hữu tương đương đối với công ty nước ngoài, theo pháp luật của nước nơi công ty nước ngoài được thành lập hoặc đăng ký thành lập.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

- Nhóm 2: Chủ sở hữu hưởng lợi – được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật Phòng, chống rửa tiền, khoản 35 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này.

Căn cứ Công văn 4937/CT-NVT, chúng tôi đã nghiên cứu các văn bản pháp lý liên quan và đề xuất cách xác định đối tượng Nhóm 1, Nhóm 2 như sau:

- Nhóm 1: Chủ sở hữu pháp lý: Kê khai toàn bộ tổ chức, cá nhân đứng tên sở hữu phần vốn, cổ phần của công ty nước ngoài, không phân biệt tỷ lệ sở hữu.

Tuy nhiên, riêng đối với trường hợp công ty nước ngoài là công ty cổ phần đại chúng (niêm yết), việc kê khai toàn bộ chủ sở hữu pháp lý về mặt thực tế là bất khả thi. Vì vậy có thể cân nhắc thực hiện: chỉ kê khai cổ đông lớn theo thông tin công bố trong báo cáo thường niên của công ty, kèm theo ghi chú thông tin sàn niêm yết, mã chứng khoán của công ty, và nêu rõ cơ cấu sở hữu phân tán nên không thể kê khai toàn bộ. Bên cạnh đó, Chi nhánh/VPĐD có thể xác nhận trực tiếp với cơ quan thuế chủ quản để được hướng dẫn.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

- Nhóm 2 – Chủ sở hữu hưởng lợi: Kê khai những cá nhân thuộc một trong các đối tượng sau:
 - o (i) Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp (thông qua tổ chức khác hoặc thỏa thuận pháp lý khác) từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty nước ngoài.
Trường hợp nhóm cá nhân có mối quan hệ gia đình (vợ; chồng; bố, mẹ đẻ; bố, mẹ nuôi; bố, mẹ chồng; bố, mẹ vợ; con đẻ; con nuôi; con rể; con dâu; anh, chị, em ruột; anh, em rể; chị, em dâu; anh, chị, em ruột của vợ; anh, chị, em ruột của chồng) cùng nhau sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì nhóm cá nhân này cũng được coi là Chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài.
 - o (ii) Cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng trên thực tế đối với công ty nước ngoài. Việc kiểm soát được thông qua một hoặc nhiều các quyền sau: Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng quản trị, đa số hoặc tất cả thành viên hoặc chủ tịch hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc; sửa đổi, bổ sung điều lệ; thay đổi cơ cấu tổ chức; quyết định chính sách tài chính, đầu tư và hoạt động của công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

o (iii) Trong trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí tại mục (i) và (ii), công ty xác định một cá nhân là người quản lý công ty có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho công ty (ví dụ: người đại diện theo pháp luật có quyền hạn cao nhất, được ghi nhận trên Giấy phép đăng ký doanh nghiệp của công ty nước ngoài).

2. Về thời điểm và phương thức kê khai

- Thời điểm kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi của Chi nhánh/VPĐD:
 - o (i) Đăng ký thuế lần đầu
 - o (ii) Thay đổi thông tin đăng ký thuế có liên quan đến chủ sở hữu pháp lý/hưởng lợi
 - o (iii) Đối với Chi nhánh/VPĐD đã được cấp mã số thuế trước ngày 1/7/2026: khi thực hiện thủ tục thay đổi bất kỳ thông tin đăng ký thuế nào.
- Phương thức kê khai: phương thức điện tử thông qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

3. Về việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu

Chi nhánh/VPĐD có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến thông tin đã kê khai trong suốt thời gian hoạt động và cung cấp kịp thời khi cơ quan thuế có yêu cầu, tối thiểu là 05 năm.

*Lưu ý: Nghĩa vụ này áp dụng cho Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; không áp dụng cho chi nhánh, văn phòng đại diện của pháp nhân Việt Nam.

Hướng dẫn việc kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi khi thực hiện các thủ tục đăng ký thuế

o (iii) Trong trường hợp không có cá nhân đáp ứng tiêu chí tại mục (i) và (ii), công ty xác định một cá nhân là người quản lý công ty có quyền hạn lớn nhất để hành động thay mặt cho công ty (ví dụ: người đại diện theo pháp luật có quyền hạn cao nhất, được ghi nhận trên Giấy phép đăng ký doanh nghiệp của công ty nước ngoài).

2. Về thời điểm và phương thức kê khai

- Thời điểm kê khai thông tin chủ sở hữu pháp lý và chủ sở hữu hưởng lợi của Chi nhánh/VPĐD:
 - o (i) Đăng ký thuế lần đầu
 - o (ii) Thay đổi thông tin đăng ký thuế có liên quan đến chủ sở hữu pháp lý/hưởng lợi
 - o (iii) Đối với Chi nhánh/VPĐD đã được cấp mã số thuế trước ngày 1/7/2026: khi thực hiện thủ tục thay đổi bất kỳ thông tin đăng ký thuế nào.
- Phương thức kê khai: phương thức điện tử thông qua cổng dịch vụ công quốc gia.

23 Quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Nghị định 252/2026/ND-CP ngày 30/06/2026 của chính phủ ngày 30/06/2026 quy định về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế:

Căn cứ theo điều 10 của Nghị định 252/2026/ND-CP có một số điểm thay đổi đáng chú ý như sau:

- Thuế TNDN (Tạm nộp quý): Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Thuế TNCN (Quyết toán 12 tháng liên tục): Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày cuối cùng của tháng tính đủ 12 tháng liên tục
- Thuế TNCN (Quyết toán khi về nước): Khai trước khi xuất cảnh, nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng lao động
- FCT (Kê khai theo từng lần phát sinh): Chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh nghĩa vụ thuế

Trường hợp NNT chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chấm dứt hợp đồng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì thời hạn kê khai quyết toán thuế là 45 ngày kể từ ngày có quyết định.

Viết tắt

GTGT	Giá trị gia tăng	BTC	Bộ Tài Chính
TNCN	Thu nhập cá nhân	CT	Cục Thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp	BCT	Bộ Công Thương
TNT	Thuế nhà thầu	BLĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
LĐ	Lao động	KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
XNK	Xuất nhập khẩu	NHNNVN	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
HĐ	Hóa đơn	DNCX	Doanh nghiệp Chế xuất
CV	Công văn	KCX	Khu Chế xuất
Khác	Khác	KCN	Khu Công nghiệp



Tháng 07/ 2026
Bản tin

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

Hotline: +84 81 489 4789 (English) | +84 91 988 9331 (Japanese)

URL: www.kmc.vn | Email: info@kmc.vn

Bản tin KMC nhằm cập nhật và tóm tắt những quy định chung liên quan đến Thuế, Kế toán, Đầu tư và Lao động ở Việt Nam. Quý vị nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi đưa ra quyết định.





Thông tin liên hệ.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KMC

VĂN PHÒNG TẠI HỒ CHÍ MINH

Phòng 603, Lầu 6, Tòa nhà Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84 8 3820 5731/ 2 | Fax: +84 8 3820 0906

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Tầng 19, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 81 489 4789

VĂN PHÒNG TẠI TOKYO

Corporate Advisers Inc

Japan Tokyo-to Chiyoda-ku, Kasumigaseki 3-2-5 Kasumigaseki Building 33F

Tel: +81 3 3593 3238 | Fax: +81 3 3593 3248



URL: www.kmc.vn

Email: info@kmc.vn

Hotline in English: +84 81 489 4789

Hotline in Japanese: +84 91 988 9331

